

Số: 290/BC-THCS LQĐ

Yên Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Tiến độ thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông; Công văn số 1816/SGDĐT-GDTrH ngày 26/7/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá, tự đánh giá và đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn quốc gia trường trung học từ năm học 2019-2020;

Sau khi tự rà soát, tự kiểm tra, trường THCS Lê Quý Đôn báo cáo tiến độ thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025 như sau:

1. Công tác chỉ đạo:

Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2020-2025; thường xuyên kiểm tra đôn đốc thu thập minh chứng, tự đánh giá các tiêu chí, tăng cường các biện pháp cải tiến chất lượng sau khi tự đánh giá.

2. Kết quả Công tác tự đánh giá

Đối chiếu với các tiêu chuẩn tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, nhà trường tự đánh giá kết quả như sau:

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Tự đánh giá kết quả	Đề xuất
Tiêu chuẩn 1:	*Tiêu chí 1.1: Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	

Tổ chức và quản lý nhà trường	<u>Tiêu chí 1.2:</u> Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	<u>*Tiêu chí 1.3:</u> Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	<u>*Tiêu chí 1.4:</u> Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	<u>*Tiêu chí 1.5:</u> Lớp học	18 lớp, 756 HS, tỉ lệ 42 HS/ lớp (quá 40 HS/lớp), Đạt mức 2.	
	<u>*Tiêu chí 1.6:</u> Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	<u>Tiêu chí 1.7:</u> Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	<u>Tiêu chí 1.8:</u> Quản lý các hoạt động giáo dục	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	<u>Tiêu chí 9:</u> Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	<u>Tiêu chí 1.10:</u> Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	<u>*Tiêu chí 2.1:</u> Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Đủ minh chứng, Thiếu Phó HT (Đang thực hiện quy trình thi tuyển)	
	<u>*Tiêu chí 2.2:</u> Đối với giáo viên	32/34=94,1% GV đạt chuẩn; 2/34=5,9% GV chưa đạt chuẩn (Đang học Đại học). Đến T12/2024 hoàn thành học xong ĐH đạt Mức 3.	
	<u>*Tiêu chí 2.3:</u> Đối với nhân viên	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	<u>*Tiêu chí 2.4:</u> Đối với học sinh	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	<u>*Tiêu chí 3.1:</u> Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	Diện tích trường: 10.972 m ² (14,5 m ² /HS): Đủ. Sân thể dục: Có sân bóng đá; thiếu nhà tập đa năng. Sân chơi: Sân trường mặt bằng thấp, xuống cấp, bị lụt úng khi trời mưa Không đạt.	Xây dựng bổ sung 1 nhà tập đa năng cho HS tập luyện các môn TDTT; Nâng cấp sân trường.
	<u>*Tiêu chí 3.2:</u> Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	- Phòng học: Có 15 phòng/18 lớp, thiếu 3 phòng; Phòng học 49 m ²	- Xây dựng mới:

	(diện tích không đủ tiêu chuẩn). - Phòng bộ môn: Có 3 phòng diện tích 60m² (diện tích không đủ tiêu chuẩn), còn thiếu 7 phòng; - Khối phục vụ học tập: thiếu phòng Truyền thống (đang sử dụng tạm phòng kho của phòng bộ môn). Không đạt	+ 20 phòng học, diện tích mỗi phòng tối thiểu 67,5 m². + 10 phòng học bộ môn (diện tích tối thiểu 90 m²). + 01 phòng truyền thống, diện tích tối thiểu 48m².
*Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	- Khu hiệu bộ có 4 phòng cấp 4, bị bão tốc một góc mái, diện tích mỗi phòng 15 m² nhỏ. Hiện còn thiếu 6 phòng (01 Y tế, 03 Tổ CM, 01 Tư vấn, 01 phòng Đoàn thể). - Thiếu phòng họp. Không đạt	- Xây dựng bổ sung 6 phòng, mỗi phòng 30m². - Xây dựng 01 Hội trường (tối thiểu 180m²)
*Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	Khu vệ sinh học sinh diện tích 80 m² chưa đủ để phục vụ số HS. Hệ thống rãnh thoát nước chưa đảm bảo khi trời mưa, do khi nâng cấp đường giao thông làm mặt bằng sân trường thấp. Không đạt	- Bổ sung thêm 1 khu vệ sinh HS - Cải tạo hệ thống thoát nước.
*Tiêu chí 3.5: Thiết bị	Thiếu thiết bị giáo dục lớp 6, 7,8,9 theo CT GDPT 2018, đặc biệt không có máy tính học môn tin học. Không đạt	Đề nghị cấp trên trang cấp các thiết bị mua sắm tập trung; tiếp tục đăng ký mua bổ sung thiết bị dạy học.
*Tiêu chí 3.6: Thư viện	Thư viện đang sử dụng tạm, chưa có khu đọc sách riêng cho GV, HS. Không đạt	Xây dựng Thư viện gồm: Phòng đọc của HS 180m²; Phòng đọc GV cần 60 m²; 01 Kho sách 30 m², 01 Phòng làm việc của NV 30 m².

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	*Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	*Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	*Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	*Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp dục.	Đủ minh chứng, Đạt Mức 2	
	*Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	
	*Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	Đủ minh chứng, Đạt Mức 3	

3. Đề xuất, kiến nghị

Trường được xây dựng từ năm 2008, các khối công trình không còn đủ tiêu chuẩn theo các tiêu chí kiểm định, chuẩn Quốc gia nên nếu đánh giá lại không đạt trường chuẩn Quốc gia.

Đề nghị UBND phường tham mưu với các cấp ủy Đảng, UBND thị xã quan tâm quy hoạch lại cho trường THCS Lê Quý Đôn, đầu tư xây dựng các khối công trình đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn trường Trung học mức 3, đề trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 3, chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Nơi nhận:

- UBND phường (để b/cáo);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tình

Biểu 1 (kèm theo phụ lục 1)

Kết quả KĐCLGD cơ sở giáo dục (CSGD) mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông
(tính đến 31/5/2023)

TT	Tên CSGD		Tự đánh giá ¹		Đánh giá ngoài ²		Kết quả đánh giá ngoài (ĐGN)						Ghi chú
			Đã HT	Chưa HT	Đã HT	Chưa HT	Không đạt	Đạt cấp độ 1 ³	Đạt cấp độ 2 ⁴	Đạt cấp độ 3 ⁵	Đạt cấp độ 4 ⁶	Đang hoàn thiện hồ sơ ĐGN ⁷	
1	Trường THCS Lê Quý Đôn			x		x	x						

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tình
(SĐT: 0352.613.888)

¹ Số liệu tính lũy tiến trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm báo cáo
² Số liệu CSGD/TT đã ĐGN được tính lũy tiến trong thời gian 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm báo cáo
³ Chỉ tính số lượng CSGD có Chứng nhận trường đạt KĐCLGD thời hạn còn giá trị
⁴ Chỉ tính số lượng CSGD có Chứng nhận trường đạt KĐCLGD thời hạn còn giá trị
⁵ Chỉ tính số lượng CSGD có Chứng nhận trường đạt KĐCLGD thời hạn còn giá trị
⁶ Chỉ tính số lượng CSGD có Chứng nhận trường đạt KĐCLGD thời hạn còn giá trị
⁷ Đến thời điểm báo cáo (31/5/2023) chưa có quyết định cấp Chứng nhận trường/trung tâm đạt KĐCLGD

Biểu 2 (kèm theo phụ lục 1)

Kết quả CSGD mầm non và CSGD phổ thông đạt chuẩn quốc gia
(tính đến 31/5/2023)

TT	Tên CSGD		Số CSGD đạt chuẩn quốc gia (1) (Theo Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 59/2012/TT-BGDĐT và Thông tư số 47/2012/TT-BGDĐT) ⁸		Số CSGD đạt chuẩn quốc gia (2) (Theo Thông tư số 17, 18 và 19/2018/TT-BGDĐT)			Tổng số CSGD đạt chuẩn quốc gia		Ghi chú
			Đạt Mức độ 1	Đạt Mức độ 2	Đạt Mức độ 1	Đạt Mức độ 2	Đang hoàn thiện hồ sơ ⁹	Số lượng ¹⁰	%	
1	Trường THCS Lê Quý Đôn									Bảng công nhận năm 2016 đã hết thời hạn

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tình

⁸ Chỉ tính CSGD có Bảng công nhận trường đạt chuẩn quốc gia còn thời hạn giá trị; với trường THCS, trường THPT và trường PTNCH ghi kết quả “Đạt” vào cột “Đạt mức độ 1”

⁹ Đến thời điểm báo cáo (31/5/2023) chưa có quyết định cấp Bảng công nhận trường đạt CQG

¹⁰ Tổng của số lượng CSGD đạt chuẩn quốc gia (1) và CSGD đạt chuẩn quốc gia (2)

Biểu 3 (kèm theo phụ lục 1)

Cán bộ, giáo viên đã được tập huấn đánh giá ngoài và được tham gia đánh giá ngoài
(tính đến 31/5/2023)

Tên CSGD	Số lượng cán bộ, giáo viên đã được tập huấn đánh giá ngoài				Số lượng cán bộ, giáo viên đã tham gia đánh giá ngoài		Ghi chú
	Sở GDĐT	Phòng GDĐT	CSGD	Tổng	Số lượng	%	
Trường THCS Lê Quý Đôn			0		2/33	6,1%	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tình

Biểu 4 (kèm theo phụ lục 1)

**Một số chỉ tiêu của kế hoạch công tác KĐCLGD và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia
năm học 2023 - 2024**

Tên CSGD	Số lượng CSGD/TT hoàn thành tự đánh giá	Số lượng CSGD/TT được đánh giá ngoài (tính đến 31/5/2024)¹¹	Tổng số cán bộ, giáo viên cần được tập huấn đánh giá ngoài trong năm học 2023-2024	Ghi chú
Trường THCS Lê Quý Đôn			2	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tình

¹¹ Số lượng CSGD/TT được đánh giá ngoài chỉ tính riêng trong năm học (không tính theo lũy tiến)

